

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án HNGĐ thụ lý số 22/2017/TLST – HNGĐ ngày 23/02/2017 giữa:

- **Nguyên đơn:** Chị Phạm Thị A, sinh năm 1964.

Trú tại: Xóm X, xã Y, huyện Z, Thái Nguyên.

- **Bị đơn:** Anh Chu Quang B, sinh năm 1960.

Trú tại: Xóm X, xã Y, huyện Z, Thái Nguyên.

Căn cứ vào Điều 147; Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ vào Điều 55, 59 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 10/7/2017 về việc các đương sự đã thật sự tự nguyện ly hôn và thoả thuận với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án về hôn nhân và gia đình thụ lý số: 22/2017/TLST - HNGĐ ngày 23/02/2017.

XÉT THẤY

Về thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 10/7/2017 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: chị Phạm Thị A và anh Chu Quang B.

Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1. Về quan hệ vợ chồng: Chị Phạm Thị A và anh Chu Quang B đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, nhất trí thuận tình ly hôn.

2. Về con chung: Ba con anh chị đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung: Hai bên đương sự đã có biên bản thỏa thuận về việc chia tài sản ngày 15/01/2017 và đề nghị Tòa án ghi nhận sự thỏa thuận như sau:

a. Phần tài sản chị Phạm Thị A quản lý, sử dụng gồm:

- 01 nhà cấp 4 (mái bằng) rộng 80m² + Công trình phụ trên diện tích đất đã được cấp GCNQSD đất số BB 091904 ngày 30/11/2012, trên diện tích đất ở nông thôn còn lại là 90m² (tại thửa số 151, tờ bản đồ số 52) và 343,1m² (tại thửa số 151, tờ bản đồ số 52 đất trồng cây hàng năm tại xóm X, xã Y, huyện Z).

- Chị Phạm Thị A có trách nhiệm trích chia cho anh Chu Quang B một khoản tiền là 160.000.000đ (một trăm sáu mươi triệu đồng).

b. Phần tài sản ông Chu Quang B quản lý, sử dụng gồm:

- 01 mảnh đất có diện tích 425m² tại thửa số 515, tờ bản đồ số 52 (đất trồng lúa nước còn lại) và 1.742,6 m² tại thửa số 21, tờ bản đồ số 40 (đất bằng trồng cây hàng năm khác) đã được cấp GCNQSD đất số BB 091908 ngày 30/11/2012.

- 01 thửa đất có diện tích 92m² tại thửa đất số 453, tờ bản đồ số 52, loại đất trồng cây lúa nước, tại xóm X, xã Y, huyện Z.

- 01 thửa đất có diện tích 323m² tại thửa đất số 454, tờ bản đồ số 52, loại đất trồng cây lúa nước, tại xóm X, xã Y, huyện Z.

- 01 thửa đất có diện tích 455m² tại thửa đất số 486, tờ bản đồ số 52, loại đất trồng cây lúa nước, tại xóm M, xã Y, huyện Z.

- 01 thửa đất có diện tích 388m² tại thửa đất số 487, tờ bản đồ số 52, loại đất trồng cây lúa nước, tại xóm M, xã Y, huyện Z.

- 01 thửa đất có diện tích 108m² tại thửa đất số 116, tờ bản đồ số 67, loại đất trồng cây lúa nước, tại xóm M, xã Y, huyện Z.

- 01 thửa đất có diện tích 291m² tại thửa đất số 117, tờ bản đồ số 67, loại đất trồng cây lúa nước, tại xóm M, xã Y, huyện Z (các thửa đất trên đã được cấp GCNQSD đất số BB 091907 ngày 30/11/2012), và 160.000.000đ do chị A trích chia chênh lệch tài sản.

(Anh Chu Quang B có trách nhiệm cho con trai thứ nhất Chu Thanh T 828,5m² trong GCNQSD đất số BB 091907 ngày 30/11/2012 theo biên bản họp gia đình giữa hai vợ chồng và các con).

- Tài sản là đồ dùng sinh hoạt hai vợ chồng tự chia.

- Anh Chu Quang B và chị Phạm Thị A có trách nhiệm làm thủ tục đăng ký quyền sử dụng đất qua các cơ quan có thẩm quyền với diện tích đất đã được chia.

- Thi hành án theo Điều 357, 468 BLDS: Kể từ khi án có hiệu lực pháp luật anh B có đơn yêu cầu thi hành án, chị A không thanh toán số tiền phải trích

chia cho anh B, thì sẽ phải trả cho anh số tiền lãi đối với số tiền gốc chậm trả là 10%/năm.

- Án phí: Chị A nhận nộp 150.000 tiền án phí LHST vào ngân sách nhà nước được chuyển từ dự phí sang. Hoàn trả chị A 150.000đ dự phí LHST còn lại(theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009149 ngày 23/02/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Võ Nhai).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Tòa ánND tỉnh TN;
- VKSND tỉnh TN;
- VKSND huyện Võ Nhai;
- UBND xã Tràng xá;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VÕ NHAİ
Thẩm phán

Phạm Quang Thái

